

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM KHÊ
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 43/2018/HNGĐ-ST
Ngày 08-8-2018
V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C-TỈNH PHÚ THỌ

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lương Ngọc Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Việt Tú

2. Ông Nguyễn Văn Tuyến

- Thư ký phiên toà: Ông Đỗ Trọng Tú - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê.

- Đại diện Viện kiểm sát huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê-tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 131/2018/TLST-HNGĐ ngày 26/6/2018 về việc tranh chấp "ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:42/2018/QĐST-HNGĐ ngày 08/8/2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh T - sinh năm: 1986

Địa chỉ: Khu 4 (xóm T), xã X, huyện C, tỉnh Phú Thọ (Có mặt).

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T - sinh năm: 1984

Địa chỉ: Khu 4 (xóm T), xã X, huyện C, tỉnh Phú Thọ (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/5/2018 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh T trình bày: Vợ chồng được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, không ai bị ép buộc và có đăng ký kết hôn ngày 16/5/2012 tại UBND xã X, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng mẹ đẻ anh T tại xã X và làm ruộng. Quá trình chung sống tình cảm vợ chồng hòa thuận đến

tháng 4/2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T thường xuyên đánh chị, không tôn trọng, chăm sóc giúp đỡ chị trong cuộc sống, mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải không có kết quả. Do mâu thuẫn trầm trọng chị T đã về nhà bố mẹ đẻ ở từ năm 2014 đến nay, vợ chồng đã sống ly thân, mỗi người một nơi, không quan tâm đến ai. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T để ổn định cuộc sống.

Bị đơn là anh Nguyễn Văn T trình bày: Về thời gian kết hôn, quá trình chung sống, thời gian vợ chồng sống ly thân như chị T trình bày là đúng. Nhưng nguyên nhân mâu thuẫn do bố mẹ chị T bảo vợ chồng về nhà bố mẹ chị T ở nhưng anh không về, chị T nghe bố mẹ tự ý bỏ nhà anh về nhà bố mẹ đẻ ở không nói gì với anh, anh đã đến đón nhiều lần nhưng chị T không về. Nay chị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn anh không nhất trí vì anh vẫn còn tình cảm với chị T và con chung còn nhỏ cần có bố mẹ chăm sóc.

-Về con chung: Hai bên trình bày vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Thị Minh T- sinh ngày 03/4/2013 và Nguyễn Trung K - sinh ngày 24/12/2014, hiện nay cháu T đang ở với anh T, cháu K đang ở với chị T.

Ly hôn anh T xin được trực tiếp nuôi hai con chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng.

Chị T xin được trực tiếp nuôi con chung là Nguyễn Trung K, để anh T nuôi con là Nguyễn Thị Minh T, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Hai bên đều đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật

- Về tài sản chung, công nợ và quyền, nghĩa vụ tài sản: Hai bên trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Toà án đã tiến hành hoà giải nhưng hai bên vẫn giữ nguyên quan điểm tranh chấp về việc ly hôn và nuôi con chung.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đều thực hiện đúng quy định pháp luật.

Quan điểm của Kiểm sát việc về việc giải quyết vụ án như sau: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 1 Điều 56; Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh T được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Trung K- sinh ngày 24/12/2014 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung là Nguyễn Thị Minh T- sinh ngày 03/4/2013 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, công sức: Hai bên trình bày không có, không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: Miễn án phí ly hôn sơ thẩm cho chị Nguyễn Thị Thanh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ và toàn diện chứng cứ, ý kiến Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nơi cư trú của chị T và anh T đều tại khu 4 (xóm T), xã X, huyện C, tỉnh Phú Thọ; chị T yêu cầu ly hôn và nuôi con chung. Vì vậy, quan hệ pháp luật giải quyết là “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Nguyễn Văn T bảo đảm các quy định về điều kiện kết hôn và không thuộc trường hợp cấm kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, nên đó là hôn nhân hợp pháp. Kết quả thu thập chứng cứ cho thấy, từ khoảng năm 2014, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không thống nhất được với nhau trong cuộc sống nên dẫn đến bất đồng với nhau về quan điểm sống, chị T đã về nhà bố mẹ đẻ ở, từ đó vợ chồng không còn yêu thương nhau. Vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi từ năm 2014 đến nay, không quan tâm đến nhau. Điều này chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu xin ly hôn là có căn cứ, cần chấp nhận để đảm bảo quyền và lợi ích chính đáng của người phụ nữ; đồng thời tránh sự ràng buộc không có lợi cho

cả hai bên. Anh T xin đoàn tụ vì cho rằng nhưng thực tế trong thời gian vợ chồng sống ly thân và trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tiến hành hòa giải, nhưng anh T cũng không có biện pháp khắc phục mâu thuẫn vợ chồng, cũng không quan tâm chăm sóc giúp đỡ chị T, bỏ mặc chị T sống thế nào thì sống, nên yêu cầu của anh T không có căn cứ chấp nhận.

- Về con chung: Kể từ khi vợ chồng sống ly thân cháu Nguyễn Trung K vẫn do chị T trực tiếp nuôi dưỡng, cháu Nguyễn Thị Minh T do anh T trực tiếp nuôi dưỡng, cuộc sống của các con chung vẫn ổn định. Để đảm bảo cho sự phát triển ổn định của các con chung, cần giao cho mỗi người nuôi một con chung như hiện nay, không ai phải cấp dưỡng nuôi con như hiện nay là phù hợp.

- Về tài sản chung, công sức và quyền, nghĩa vụ chung về tài sản: Hai bên trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: chị Nguyễn Thị Thanh T thuộc diện hộ nghèo, nên được miễn án phí ly hôn sơ thẩm cho theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Cho chị Nguyễn Thị Thanh T được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. *Về con chung:*

- Giao con chung là Nguyễn Trung K - sinh ngày 24/12/2014 cho chị Nguyễn Thị Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng, kể từ ngày 24/8/2018 đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi);

- Giao con chung là Nguyễn Thị Minh T - sinh ngày 03/4/2013 cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, kể từ ngày 24/8/2018 đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi);

Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung;

Chị T và anh T cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở hai bên trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. *Về án phí:* Miễn án phí cho chị Nguyễn Thị Thanh T. Trả lại cho chị Nguyễn Thị Thanh T số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 008268 ngày 21/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các đương sự được quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

THẨM

- Các đương sự (2b);

toà

- VKSND huyện Cẩm Khê;

- UBND xã Xương Thịnh;

- Thi hành án dân sự;

- Lưu hồ sơ ;

- Lưu VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ

Thẩm phán - Chủ tọa phiên

Lương Ngọc Dũng